

Bản án số: 37/2024/DS-ST  
Ngày: 21 tháng 9 năm 2024  
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thục

Ông Ngô Văn Bê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/DS-ST ngày 02/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35A/2024/QĐXXST-DS ngày 19/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐ-ST ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: Số H, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Nguyễn Thành H – Chuyên viên xử lý nợ.

2. Ông Lê Ngọc Đ – Chuyên viên xử lý nợ.

3. Ông Đỗ Mạnh K – Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: Tầng G, tòa nhà V, số G, đường D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội theo Văn bản uỷ quyền số 909 ngày 09/09/2024.

**Bị đơn:**

1. Chị Trần Thị C, sinh năm 1988

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

2. Ông Nguyễn Huy H1, sinh năm 1962. Cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Nguyễn Thị L. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Cháu Nguyễn Nhật M, sinh năm 2010

5. Cháu Nguyễn Minh K1, sinh năm 2015

Đều cư trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của cháu M và cháu K1: Chị Trần Thị C sinh năm 1988. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

(Ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị L, cháu Nguyễn Nhật M, cháu Nguyễn Minh K1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1985 chết ngày 23/3/2021)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1963

2. Anh Nguyễn Khánh H3, sinh năm 1990

Đều cư trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V do ông Lê Ngọc Đ- Đại diện theo ủy quyền trình bày:**

- Ngày 04/12/2018, anh Nguyễn Thanh B (đã chết ngày 23/3/2021) cùng vợ là chị Trần Thị C có ký Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (viết tắt là V1): Số tiền vay là **180.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 6/12/2018 đến ngày 6/12/2023; Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô GRAND I10 số máy G3LAGM082804. Lãi suất trong hạn là 7,9% năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngân hàng V1 đã thực hiện ủy nhiệm chi ngày 6/12/2018 giải ngân số tiền **180.000.000 đồng** thông qua việc chuyển khoản vào số tài khoản của bên thụ hưởng là số tài khoản 104004994137, chủ tài khoản: Nguyễn Thị T, tại Ngân hàng V2 tại Chi nhánh huyện L (người bán xe ô tô cho anh B- chị C). Quá trình vay, anh B và chị

C đã trả được tổng số tiền 150.905.362 đồng, trong đó **106.042.858** đồng tiền gốc, 44.862.504 tiền lãi. Theo thỏa thuận, hàng tháng anh B chị C trả 3.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, anh B chị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến ngày 06/10/2021. Từ ngày 06/11/2021, thì anh B và chị C không thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 21/9/2024, Ngân hàng xác định anh B và chị C còn nợ Ngân hàng số tiền 127.922.908 đồng, trong đó nợ gốc là 73.957.142 đồng; nợ lãi trong hạn 3.837.591 đồng; nợ lãi quá hạn 50.128.175 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai i10, số khung: 51AAHM449144, số máy: G3LAGM082804, BKS: 98A-103.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 30/11/2018 thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của anh Nguyễn Thanh B và chị Trần Thị C theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ký ngày 04/12/2018 giữa V1 với ông Nguyễn Thanh B và bà Trần Thị C.

- Ngày 15/12/2020, anh Nguyễn Thanh B có ký Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Vpbank O) số LD2035002290 với V1: Số tiền vay là **66.000.000** đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng), giải ngân ngày 15/12/2020 vào tài khoản của anh Trần Thanh B1; Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất trong hạn là 19% năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình vay, anh B1 và chị C đã trả được tổng số tiền **30.734.310** đồng, trong đó **18.482.654** đồng trả nợ gốc; **12.251.656** đồng trả nợ lãi. Tính đến ngày 21/9/2024, anh B1 và chị C còn nợ Ngân hàng số tiền **86.996.555** đồng, trong đó nợ gốc là **47.517.346** đồng; nợ lãi trong hạn là **949.308** đồng; nợ lãi quá hạn **38.529.901** đồng.

Từ ngày 06/11/2021 thì anh B1 chị C không thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khoản nợ của anh B1 chị C chuyển sang nợ quá hạn.

Anh Nguyễn Thanh B và chị Trần Thị C còn nợ V1 tổng số tiền của hai hợp đồng tạm tính đến ngày 21/09/2024 là **214.919.463** đồng: Nợ gốc **121.474.488** đồng; lãi trong hạn: **4.786.899** đồng; lãi quá hạn: **88.658.076** đồng).

Anh B chết ngày 23/3/2021. Nay V1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

a. Yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị C phải thanh toán cho V1 tổng số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 21/9/2024 là **214.919.463** đồng: Nợ gốc **121.474.488** đồng; lãi trong hạn: **4.786.899** đồng; lãi quá hạn: **88.658.076** đồng.

b. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế chị Trần Thị C thanh toán hết nợ cho V1.

c. V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai i10, số khung: 51AAHM449144, số máy: G3LAGM082804, BKS: 98A-103.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 30/11/2018 mang tên anh Nguyễn Thanh B trong trường hợp chị Trần Thị C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho V1.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ V1 tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra V1 không có yêu cầu gì khác.

\* **Bị đơn là ông Nguyễn Huy H1 trình bày:** Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Thanh B. Ông có được biết việc vợ chồng anh B- chị C vay của V1 một khoản tiền. Vay bao nhiêu, vay thế nào thì ông không nắm được.

Nay V1 khởi kiện ra Tòa án, quan điểm của ông: Do tuổi cao, sức khỏe không được ổn định, phải nuôi hai cháu nhỏ, kinh tế rất khó khăn, không đủ khả năng chi trả. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị C hiện đang lao động tại nước ngoài, chị C vẫn gọi điện về hỏi thăm con nên ông được biết chị C đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể ở đâu và làm gì thì ông không nắm được. Bà Nguyễn Thị L là vợ cũ của ông và là mẹ đẻ của anh B, ông và bà L ly hôn vào khoảng năm 1988, hiện nay ông không biết bà L đang làm gì và ở đâu. Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

\* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Khánh H3 trình bày:** Năm 2018, anh trai anh là anh Nguyễn Thanh B có mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, BKS: 98A-103.21. Theo hình thức trả góp, thế chấp đăng ký xe. Theo anh được biết anh B cũng đã đóng tiền đầy đủ cả gốc và lãi theo hợp đồng. Cho đến ngày 23/3/2021, anh B không may xảy ra tai nạn và không qua khỏi, từ lúc xảy ra sự việc thì anh là người quản lý chiếc xe đó đến nay. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do bận công việc anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

\* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H2 trình bày:** Bà là vợ của ông Nguyễn Huy H1 và là mẹ kế của anh Nguyễn Thanh B. Bà đồng ý với ý kiến quan điểm của chồng bà. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị C theo bà được biết hiện nay đang lao động tại nước ngoài, địa chỉ cụ thể ở đâu bà không nắm được. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

\* Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Trần Thị C và bà Nguyễn Thị L để biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên

chị C và bà L không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án:**

Ngày 14/12/2023, Tòa án huyện Lạng Giang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản đối với 01 xe Hyundai, loại xe i10, màu đỏ, BKS 98A-103.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040208 do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 30/11/2018 mang tên Nguyễn Thanh B. Hiện nay anh Nguyễn Khánh H3 (Là em trai của anh Nguyễn Thanh B) đang quản lý chiếc xe ô tô này.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 474; điểm b khoản 5 Điều 477; khoản 2, khoản 3 Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 91, 95- Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 323 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Buộc chị Trần Thị C trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/09/2024 là **214.919.463** đồng (Trong đó: Nợ gốc **121.474.488** đồng; lãi trong hạn: **4.786.899** đồng; lãi quá hạn: **88.658.076** đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ngày 04/12/2018 và Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Vpbank O) số LD2035002290 ngày 15/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) thì lãi suất mà chị Trần Thị C phải tiếp tục thanh toán cho V1 theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của V1.

2. Trường hợp chị Trần Thị C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ngày 04/12/2018 giữa anh Trần Thanh B1 (đã chết), chị Trần Thị C với Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai i10, số khung: 51AAHM449144, số máy: G3LAGM082804, BKS: 98A-103.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 30/11/2018 mang tên anh Nguyễn Thanh B do anh Nguyễn Khánh H3 đang quản lý.

3. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu chi phí xem xét thẩm định 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về việc vắng mặt của các đương sự:**

Bị đơn ông Nguyễn Huy H1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H2, anh Nguyễn Khánh H3 đề nghị xử vắng mặt. Bị đơn là chị Trần Thị C, bà Nguyễn Thị L, các cháu Nguyễn Nhật M và cháu Nguyễn Minh K1 do chị Trần Thị C đại diện hợp pháp đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự nay theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang buộc chị Trần Thị C và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Thanh B trả nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang, bị đơn chị Trần Thị C hiện đang ở nước ngoài. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý,

giải quyết vụ án là đảm bảo quy định tại Điều 26 và Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**

*[3.1] Về yêu cầu chị Trần Thị C phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy:*

Xét Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ngày 04/12/2018 giữa anh Nguyễn Thanh B (đã chết), chị Trần Thị C với Ngân hàng Thương mại cổ phần V: Số tiền vay là 180.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo từ ngày 6/12/2018 đến ngày 6/12/2023: Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô GRAND I10 số máy G3LAGM082804. Lãi suất trong hạn 7,9% năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. V1 đã thực hiện ủy nhiệm chi ngày 6/12/2018 giải ngân số tiền 180.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản vào số tài khoản của bên thụ hưởng là số tài khoản 104004994137, chủ tài khoản: Nguyễn Thị T, tại Ngân hàng V2 tại chi nhánh huyện L (người bán xe ô tô cho anh B- chị C). Quá trình vay, anh B, chị C đã thực hiện trả gốc và trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận trên đến ngày 5/11/2021 tổng số tiền đã trả là 150.905.362 đồng, trong đó 106.042.858 đồng tiền gốc, 44.862.504 tiền lãi (lãi trong hạn là 42.478.300 đồng; lãi quá hạn: 2.384.204 đồng (Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng)). Đến ngày 6/11/2021, anh B, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 21/9/2024, Ngân hàng xác định anh B và chị C còn nợ Ngân hàng số tiền 127.922.908 đồng, trong đó nợ gốc là 73.957.142 đồng; nợ lãi trong hạn 3.837.591 đồng; nợ lãi quá hạn 50.128.175 đồng.

Xét Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Vpbank O) số LD2035002290 ngày 15/12/2020 giữa anh Nguyễn Thanh B (đã chết) và Ngân hàng Thương mại cổ phần V: Số tiền vay là 66.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng) giải ngân ngày 15/12/2020; Thời hạn vay: (36 tháng) tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay đầu tiên đến ngày 06/12/2023. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất trong hạn là 19% /năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. V1 đã thực hiện giải ngân số tiền 66.000.000 đồng ngày 15/12/2020 vào tài khoản của anh Trần Thanh B1. Quá trình vay, anh B1 và chị C đã trả được tổng số

tiền 30.734.310 đồng, trong đó 18.482.654 đồng trả nợ gốc; 12.251.656 đồng trả nợ lãi (lãi trong hạn là 9.033.637 đồng; lãi quá hạn: 3.218.019 đồng (Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng). Tính đến ngày 21/9/2024, Ngân hàng xác định anh B1 và chị C còn nợ Ngân hàng số tiền 86.996.555 đồng, trong đó nợ gốc là **47.517.346** đồng; nợ lãi trong hạn là 949.308 đồng; nợ lãi quá hạn **38.529.901** đồng.

Tại thời điểm giao kết hai Hợp đồng trên, các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, anh B1 và chị C là người có đủ năng lực, hành vi pháp luật dân sự. Hợp đồng có đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đối với Hợp đồng số LD2035002290 ngày 15/12/2020, anh B1 vay tiền trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với chị C. Do vậy xác định khoản nợ tại Hợp đồng này là khoản nợ chung của anh B1, chị C. Anh B1 và chị C có trách nhiệm liên đới trả nợ cho V1 theo Hợp đồng vay này là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh B1 chết ngày 23/3/2021. Chị C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của V1.

Nay V1 yêu cầu chị Trần Thị C trả nợ theo hai hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 21/09/2024 là **214.919.463** đồng (Trong đó: Nợ gốc **121.474.488** đồng; lãi trong hạn: **4.786.899** đồng; lãi quá hạn: **88.658.076** đồng) là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng:*

Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ký ngày 04/12/2018 giữa V1 với anh Nguyễn Thanh B và chị Trần Thị C thể hiện: Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng ngày 04/12/2018 là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai i10, số khung: 51AAHM449144, số máy: G3LAGM082804, BKS: 98A-103.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 công an tỉnh B cấp ngày 30/11/2018 mang tên anh Nguyễn Thanh B do anh Nguyễn Khánh H3 đang quản lý.

Tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng nêu: “Tài sản thế chấp nêu tại khoản 1, Điều này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng đối với V1 phát sinh từ Hợp Đồng này và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa khách hàng và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan (Sau đây gọi chung là “Văn kiện tín dụng”). Hợp đồng được ký kết hoàn toàn tự nguyện, tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, hợp đồng có đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên xác định tài sản đảm bảo trên là đảm bảo cho các khoản vay của anh B chị C tại V1.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp, cụ thể: Trường hợp chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên thì V1 có quyền



đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là xe ô tô để thu hồi nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ký ngày 04/12/2018 giữa V1 với ông Nguyễn Thanh B và bà Trần Thị C là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 3 của Hợp đồng và Điều 323 của Bộ luật Dân sự 2015.

**[4] Về chi phí tố tụng:** V1 nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không đặt ra giải quyết.

**[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của V1 được chấp nhận nên chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 10.745.973 đồng.

Hoàn trả lại Ngân hàng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.379.000 đồng tại Biên lai thu số 0007215, ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 474; điểm b khoản 5 Điều 477; khoản 2, khoản 3 Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 91, 95- Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 117, Điều 323 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc chị Trần Thị C trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/09/2024 là **214.919.463** đồng (Trong đó: Nợ gốc **121.474.488** đồng; lãi trong hạn: **4.786.899** đồng; lãi quá hạn: **88.658.076** đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ngày 04/12/2018 và Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Vpbank

O) số LD2035002290 ngày 15/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) thì lãi suất mà chị Trần Thị C phải tiếp tục thanh toán cho V1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của V1.

2. Trường hợp chị Trần Thị C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1811281096471 ngày 04/12/2018 giữa anh Trần Thanh B1 (đã chết), chị Trần Thị C và Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai i10, số khung: 51AAHM449144, số máy: G3LAGM082804, BKS: 98A-103.21, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh B cấp ngày 30/11/2018 mang tên anh Nguyễn Thanh B do anh Nguyễn Khánh H3 đang quản lý.

3. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu chi phí xem xét thẩm định 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Xác nhận Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị C phải chịu 10.745.973 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.379.000 đồng tại Biên lai thu số 0007215, ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đương sự hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công thông tin TAND tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**Phạm Thị Chuyên**